

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN NỘI DUNG VƯỢT VẬT CẢN CỦA HỌC VIÊN NĂM THỨ 2 TRƯỜNG SĨ QUAN LỤC QUÂN 1

Nguyễn Công Hòa⁽¹⁾

Tóm tắt:

Tiến hành đánh giá thực trạng công tác huấn luyện nội dung vượt vật cản của học viên năm thứ 2, Trường SQLQ1 thông qua đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới công tác huấn luyện, thực trạng sử dụng phương pháp và phương tiện huấn luyện cũng như thực trạng thành tích nội dung vượt vật cản của học viên năm thứ 2. Kết quả cho thấy: các yếu tố bảo đảm cho công tác huấn luyện như chương trình môn học, đội ngũ giảng viên đáp ứng tốt nhu cầu, cơ sở vật chất còn có hạn chế nhất định; việc sử dụng các phương pháp, phương tiện huấn luyện còn một số hạn chế và thành tích huấn luyện nội dung vượt vật cản phần lớn mới ở mức khá, tỷ lệ đạt tốt còn thấp.

Từ khóa: Thực trạng, công tác huấn luyện, nội dung vượt vật cản, học viên năm thứ 2, Trường SQLQ1.

Evaluation of the current status of obstacle course training for second-year students, Army Officer School 1

Summary:

Conducting an assessment of the current status of training on overcoming obstacles for second-year students, Army Officer School 1 assessed the current status of factors affecting training, the current status of using training methods and means as well as the current status of achievements in overcoming obstacles for second-year students. The results showed that: factors ensuring training such as subject programs, teaching staff meeting the needs well, facilities still have certain limitations; the use of training methods and means still has some limitations and the achievements in training on overcoming obstacles are mostly at a fair level, the rate of good achievement is still low.

Keywords: Current situation, training work, obstacle overcoming content, second year students, Army Officer School 1

ĐẶT VẤN ĐỀ

Vượt vật cản là một nội dung quan trọng trong chương trình huấn luyện thể thao quân sự cho học viên năm thứ 2, Trường SQLQ1. Việc huấn luyện vượt vật cản đã được đổi mới trong nhiều năm, tuy nhiên, trên thực tế các phương pháp và phương tiện được sử dụng trong huấn luyện vẫn mới chỉ dừng lại ở việc sử dụng trên kinh nghiệm của các Giảng viên chứ chưa được nghiên cứu để xác minh tính hiệu quả trên đối tượng học viên nói chung, một số phương pháp và phương tiện chưa thực sự phù hợp và đáp ứng yêu cầu nâng cao thành tích nội dung vượt vật cản cho học viên, đồng thời tạo hưng phấn cho học viên trong quá trình tập luyện.

Để có căn cứ cải tiến hiệu quả các phương pháp, phương tiện nâng cao thành tích nội dung vượt vật cản cho học viên năm thứ 2, trường SQLQ1, việc đánh giá thực trạng công tác huấn luyện nội dung vượt vật cản cho học viên là vấn đề cần thiết, cấp thiết và có ý nghĩa thực tiễn.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp quan sát sư phạm, phương pháp phỏng vấn, phương pháp kiểm tra sư phạm và phương pháp toán học thống kê.

Nghiên cứu được tiến hành trên 586 học viên năm thứ 2 (Khóa 89), chuyên ngành Bộ binh,

⁽¹⁾ThS, Trường Sĩ quan lục quân 1; Email: conghao@gmail.com

trình sát đặc nhiệm Trường SQLQ1. Thời điểm nghiên cứu thực trạng: Năm 2022-2023

Đề tài giới hạn nghiên cứu trên nội dung Vượt vật cản huấn luyện thể lực.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới công tác huấn luyện nội dung vượt vật cản của học viên năm thứ 2, Trường SQLQ1

1.1. Thực trạng chương trình huấn luyện nội dung vượt vật cản của học viên năm thứ 2, Trường SQLQ1

Đánh giá thực trạng chương trình giảng dạy nội dung vượt vật cản cho học viên năm thứ 2, Trường SQLQ 1 thông qua phân tích thực tế chương trình và phỏng vấn trực tiếp các giảng viên giảng dạy TDDT tại Trường.

Kết quả cụ thể được trình bày tại bảng 1.

Kết quả bảng cho thấy: Chương trình môn

học vượt vật cản của học viên năm thứ 2, Trường Sĩ quan Lục quân 1 gồm 78 tiết, trong đó có 2 tiết lý thuyết, 4 tiết thi/ kiểm tra, trong 72 tiết còn lại có 52 tiết dành cho học tập 10 nội dung vượt vật cản và 20 tiết học viên phải tự học, tự ôn tập. Phân bổ chương trình môn học qua trao đổi với các giảng viên Khoa Thể thao của trường cho thấy là hợp lý, đảm bảo thời lượng để học sinh có thể tiếp thu tốt nội dung môn học cũng như có thời gian rèn luyện, phát triển thể lực, tự rèn luyện thêm các nội dung...

1.2. Thực trạng đội ngũ giảng viên huấn luyện cho học viên năm thứ 2, Trường SQLQ1

Đánh giá thực trạng đội ngũ giảng viên Khoa thể thao Trường SQLQ1 thời điểm năm 2023 thông qua phỏng vấn trực tiếp các giảng viên và phân tích hồ sơ giảng viên. Kết quả được trình bày tại bảng 2.

Bảng 1. Chương trình môn học Vượt vật cản cho học viên năm thứ hai Trường Sĩ quan Lục quân 1

| TT | Nội dung | Thời gian | | | | |
|-------------|--|-----------|-----------|-----------|-----------|---------------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành | Tự học | Thi/ kiểm tra |
| <i>I</i> | Lý thuyết: Khái quát về Vượt vật cản huấn luyện thể lực | 2 | 2 | | | |
| <i>II</i> | Thực hành | 72 | | | | |
| 2 | Kỹ thuật vượt rào cao 60cm | | | 4 | 2 | |
| 3 | Kỹ thuật vượt tường cao 1.8m | | | 4 | 2 | |
| 4 | Kỹ thuật leo dây đứng | | | 4 | 2 | |
| 5 | Kỹ thuật vượt hàng bụi mấp mô | | | 4 | 2 | |
| 6 | Kỹ thuật vượt dây leo ngang | | | 4 | 2 | |
| 7 | Kỹ thuật vượt hàng cọc luồn lách | | | 4 | 2 | |
| 8 | Kỹ thuật vượt hào 2m | | | 4 | 2 | |
| 9 | Kỹ thuật vượt cầu độc mộc | | | 4 | 2 | |
| 10 | Kỹ thuật chui rào | | | 4 | 2 | |
| 11 | Kỹ thuật vượt tương cao 1,1m | | | 4 | 2 | |
| 9 | Ôn tập | | | 12 | | |
| <i>III</i> | Thi/ kiểm tra | 4 | | | | |
| 10 | Kiểm tra học trình | | | | | 2 |
| 11 | Thi học phần | | | | | 2 |
| Cộng | | 78 | 2 | 52 | 20 | 4 |

Bảng 2. Thực trạng đội ngũ giảng viên Khoa Thể thao Trường Sĩ quan lục quân 1

| Tổng số GV | Trình độ (văn bằng) | | | | Chuyên trách | Tuổi đời | | | |
|------------|---------------------|-------|---------|-------|--------------|----------|-------|-------|-----|
| | Thạc sĩ | | Cử nhân | | | >50 | >40 | >30 | >20 |
| | TĐTT | Q.sự | TĐTT | Q.sự | | | | | |
| 37 | 15 | 8 | 4 | 10 | 31 | 20 | 10 | 6 | 1 |
| % | 40.54 | 21.62 | 10.81 | 27.03 | 83.78 | 54.05 | 27.03 | 16.22 | 2.7 |

Kết quả bảng 2 cho thấy:

Về số lượng cán bộ: Khoa Thể thao được biên chế 37 cán bộ và giảng viên, số giảng viên chuyên trách trực tiếp tham gia giảng dạy 31 người (83.78%). Số còn lại là lực lượng kiêm nhiệm, cán bộ quản lý...

Về trình độ cán bộ: 100% quân số có trình độ đại học và sau đại học, trong đó có: 30.95% giảng viên có trình độ thạc sĩ giáo dục học, 11.90% giảng viên có trình độ thạc sĩ khoa học quân sự, 15 giảng viên tốt nghiệp Đại học Thể dục Thể thao và 8 giảng viên tốt nghiệp Trường SQLQ 1. Đây là lực lượng cán bộ có khả năng tiếp thu những kiến thức mới cũng như có khả năng tốt trong việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào giảng dạy, vừa bảo đảm kinh nghiệm, trình độ về huấn luyện TĐTT, vừa bảo đảm trình độ huấn luyện về Quân sự.

Về tuổi đời: Giảng viên của khoa có tới hơn 50% có tuổi đời >50. Đây là độ tuổi đảm bảo có kinh nghiệm giảng dạy tốt, đồng thời bảo đảm trình độ tiếp thu những kiến thức mới, học tập nâng cao trình độ cũng như áp dụng khoa học kỹ thuật vào giảng dạy cho học viên, có khả năng học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

Tóm lại, đội ngũ giảng viên khoa Thể thao của trường SQLQ1 đảm bảo đáp ứng cả về số lượng và chất lượng trong giảng dạy nội dung vượt vật cản.

1.3. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ tập luyện cho học viên năm thứ 2, Trường SQLQ1

Thống kê thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác huấn luyện nội dung môn vượt vật cản của Trường SQLQ 1 thông qua quan sát sự phạm và phỏng vấn trực tiếp các giảng viên Khoa Thể thao. Kết quả được trình bày tại bảng 3.

Kết quả bảng 3 cho thấy: Nhà trường đã trang bị đầy đủ các loại sân bãi theo chương trình học tập nội khóa của học viên. Tuy nhiên, số lượng và chất lượng dụng cụ tập luyện chưa đáp ứng được nhu cầu học tập, tự học và ngoại khóa của người học. Đồng thời, hệ thống cơ sở vật chất của Trường cũng chưa được khai thác triệt để, hiệu quả sử dụng sân bãi theo đánh giá của giảng viên Khoa thể thao Nhà trường mới chỉ dừng lại ở mức trung bình và mức khá.

Trên thực tế việc khai thác trang thiết bị, dụng cụ, sân bãi chưa thực sự có hiệu quả, nguyên nhân: Quân số của Nhà trường hiện có

Bảng 3. Thực trạng về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác huấn luyện nội dung môn vượt vật cản của Trường SQLQ 1

| TT | Cơ sở vật chất | Số lượng | Chất lượng | Hiệu quả sử dụng |
|----|------------------------------------|----------|------------|------------------|
| 1 | Sân vận động | 3 | TB | Trung bình |
| 2 | Nhà thi đấu đa năng | 1 | Khá | Trung bình |
| 3 | Bãi tập thể lực tổng hợp | 4 | Khá | Khá |
| 4 | Bãi thể dục dụng cụ | 16 | Khá | Khá |
| 5 | Đường chạy 3000m vũ trang khép kín | 1 | Khá | Khá |
| 6 | Bãi nhảy xa | 3 | TB | Trung bình |
| 7 | Bãi vượt vật cản | 5 | Khá | Khá |

3 hệ và 9 tiểu đoàn đào tạo đông quân tại khu vực trong trường, mỗi năm có khoảng 6000 học viên đào tạo các chuyên ngành; việc bố trí sắp xếp kế hoạch hoạt động TĐTT ngoại khóa còn chông chéo, các đơn vị đều xếp lịch học ngoại khóa vào tiết 9 hằng ngày. Chính vì vậy, sử dụng và bảo quản hợp lý cơ sở vật chất sẵn có của Nhà trường sẽ giúp nâng cao hiệu quả huấn luyện nội dung vượt vật cản nói riêng và phát triển thể lực tổng hợp nói chung cho học viên Nhà trường.

2. Thực trạng sử dụng phương pháp và phương tiện huấn luyện nội dung vượt vật cản của học viên năm thứ 2, Trường SQLQ1

2.1. Thực trạng sử dụng phương pháp huấn luyện nội dung vượt vật cản của học viên năm thứ 2, Trường SQLQ1

Tiến hành đánh giá thực trạng sử dụng phương pháp huấn luyện nội dung vượt vật cản

của học viên năm thứ 2, Trường SQLQ1 thông qua phỏng vấn 14 giảng viên trực tiếp huấn luyện nội dung vượt vật cản cho học viên năm thứ 2. Kết quả được trình bày tại bảng 4.

Kết quả bảng 4 cho thấy:

Nhóm phương pháp được sử dụng nhiều nhất (100%) trong huấn luyện nội dung vượt vật cản cho học viên năm thứ 2 Trường SQLQ1 là nhóm phương pháp sử dụng lời nói và trực quan. Điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế công tác giảng dạy, huấn luyện hiện nay tại trường SQLQ1 và các trường đào tạo trên cả nước.

Nhóm phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ lượng vận động cũng là phương pháp được sử dụng phổ biến trong quá trình giảng dạy, trong đó sử dụng nhiều nhất là các phương pháp tập luyện lặp lại ổn định và ngắt quãng; phương pháp tập luyện biến đổi cũng được sử dụng tương đối nhiều. Tuy nhiên phương pháp

Bảng 4. Thực trạng sử dụng phương pháp trong huấn luyện nội dung vượt vật cản cho học viên năm thứ 2, Trường SQLQ1 (n=14)

| Nhóm phương pháp | Phương pháp tập luyện cụ thể | Kết quả | | | | | |
|---|--|----------------|-------|----------------|-------|----------------|-------|
| | | Thường xuyên | | Bình thường | | Ít sử dụng | |
| | | m _i | % | m _i | % | m _i | % |
| Nhóm phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ | Phương pháp tập luyện lặp lại ổn định liên tục | 13 | 92.86 | 1 | 7.14 | 0 | 0 |
| | Phương pháp tập luyện lặp lại ổn định ngắt quãng | 12 | 85.71 | 2 | 14.29 | 0 | 0 |
| | Phương pháp tập luyện biến đổi liên tục | 12 | 85.71 | 2 | 14.29 | 0 | 0 |
| | Phương pháp tập luyện biến đổi ngắt quãng | 9 | 64.29 | 5 | 35.71 | 0 | 0 |
| | Phương pháp tập luyện vòng tròn | 3 | 21.43 | 6 | 42.86 | 5 | 35.71 |
| Nhóm phương pháp tập luyện định mức không chặt chẽ | Phương pháp trò chơi | 7 | 50 | 7 | 50 | 0 | 0 |
| | Phương pháp thi đấu | 12 | 85.71 | 2 | 14.29 | 0 | 0 |
| Nhóm các phương pháp sử dụng lời nói và phương tiện trực quan | Phương pháp sử dụng lời nói | 14 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Phương pháp sử dụng phương tiện trực quan. | 14 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 |



Huấn luyện nội dung vượt vật cản cho học viên năm thứ 2, Trường SQLQ1 luôn được Nhà trường quan tâm và chú trọng

tập luyện vòng tròn, còn được gọi là phương pháp tập luyện tổng hợp, một trong những phương pháp tạo hiệu quả tập luyện cao và tạo hứng thú tốt cho học viên trong quá trình tập luyện lại chỉ có 21.43% giảng viên sử dụng thường xuyên, cá biệt có tới 35.71% giảng viên ít sử dụng phương pháp này trong quá trình huấn luyện. Để nâng cao hiệu quả huấn luyện nội dung vượt vật cản và nâng cao hứng thú tập luyện cho học viên, áp dụng thêm phương pháp tập luyện vòng tròn là vấn đề cần thiết.

Ở nhóm phương pháp tập luyện không định mức chặt chẽ lượng vận động bao gồm phương pháp trò chơi và thi đấu, nếu như phương pháp thi đấu có tỷ lệ giảng viên sử dụng thường xuyên tương đối cao thì phương pháp trò chơi mới chỉ được 50% giảng viên sử dụng thường xuyên. Để nâng cao hiệu quả giảng dạy, việc áp dụng thêm các phương pháp giảng dạy này là cần thiết.

Tóm lại, việc sử dụng các phương pháp giảng dạy trong huấn luyện nội dung Vượt vật cản cho học viên năm thứ 2, Trường SQLQ1 phần lớn mới sử dụng các phương pháp giảng

dạy truyền thống. Các phương pháp tập luyện vòng tròn, phương pháp trò chơi là các phương pháp sử dụng rất hiệu quả trong quá trình huấn luyện và tạo hứng thú cao cho học viên lại chưa được sử dụng nhiều.

2.2. Thực trạng sử dụng các phương tiện huấn luyện nội dung vượt vật cản của học viên năm thứ 2, Trường SQLQ1

Tiến hành đánh giá thực trạng sử dụng phương tiện huấn luyện nội dung vượt vật cản của học viên năm thứ 2, Trường SQLQ1 thông qua phỏng vấn 14 giảng viên trực tiếp huấn luyện nội dung vượt vật cản cho học viên năm thứ 2. Kết quả được trình bày tại bảng 5.

Kết quả bảng 5 cho thấy: cả nhóm các phương tiện chung và nhóm các phương tiện đặc thù đều thường xuyên được các giảng viên sử dụng trong quá trình huấn luyện nội dung vượt vật cản cho học viên năm thứ 2, Trường SQLQ1. Tuy nhiên, mức độ đáp ứng của các phương tiện khác nhau được đánh giá rất khác nhau. Các nhóm phương tiện chung, các phương tiện sân bãi, dụng cụ tập luyện có tới 50% đánh giá mức độ đáp ứng ở mức bình thường. Đặc

Bảng 5. Thực trạng sử dụng phương tiện trong huấn luyện nội dung vượt vật cản cho học viên năm thứ 2, Trường SQLQ1 (n=14)

| Nhóm phương tiện | Phương tiện | Mức độ sử dụng | | | | | | Mức độ đáp ứng | | | | | |
|--------------------------------|--|----------------|-------|----------------|-------|----------------|------|----------------|-------|----------------|-------|----------------|---|
| | | Thường xuyên | | Trung bình | | Ít sử dụng | | Đáp ứng tốt | | Bình thường | | Chưa đáp ứng | |
| | | m _i | % | m _i | % | m _i | % | m _i | % | m _i | % | m _i | % |
| Nhóm phương tiện chung | Ngôn ngữ | 14 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 14 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Phương tiện trực quan gián tiếp (tranh ảnh, mô hình, hình vẽ...) | 9 | 64.29 | 5 | 35.71 | 0 | 0 | 6 | 42.86 | 8 | 57.14 | 0 | 0 |
| | Sân bãi tập luyện | 14 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 7 | 50 | 7 | 50 | 0 | 0 |
| | Dụng cụ tập luyện | 14 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 8 | 57.14 | 6 | 42.86 | 0 | 0 |
| | Các điều kiện tự nhiên, môi trường | 14 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 14 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Phương tiện chuyên môn đặc thù | Bài tập thể chất | 14 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 11 | 78.57 | 3 | 21.43 | 0 | 0 |
| | Các bài tập khởi động | 14 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 14 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Các bài tập kỹ thuật | 14 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 13 | 92.86 | 1 | 7.14 | 0 | 0 |
| | Các bài tập bổ trợ | 14 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 8 | 57.14 | 6 | 42.86 | 0 | 0 |
| | Các bài tập dẫn dắt | 11 | 78.57 | 2 | 14.29 | 1 | 7.14 | 6 | 42.86 | 8 | 57.14 | 0 | 0 |
| | Các bài tập phát triển thể lực | 14 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 8 | 57.14 | 6 | 42.86 | 0 | 0 |
| | Các trò chơi vận động | 7 | 50 | 7 | 50 | 0 | 0 | 5 | 35.71 | 9 | 64.29 | 0 | 0 |
| | Các bài tập thi đấu | 12 | 85.71 | 2 | 14.29 | 0 | 0 | 12 | 85.71 | 2 | 14.29 | 0 | 0 |

Bảng 6. Thực trạng kết quả học tập môn Vượt vật cản cho học viên năm thứ 2 Trường SQLQ 1, năm học 2022-2023 (n=568)

| TT | Đơn vị | Quân số | Kết quả | | | | | | | | Xếp loại |
|---------|-------------|---------|----------------|-------|----------------|-------|----------------|-------|----------------|------|----------|
| | | | Giỏi | | Khá | | Đạt | | K. đạt | | |
| | | | m _i | % | m _i | % | m _i | % | m _i | % | |
| 1 | Tiểu đoàn 3 | 78 | 18 | 23.08 | 30 | 38.46 | 29 | 37.18 | 1 | 1.28 | 78 |
| 2 | Hệ 4 | 49 | 15 | 30.61 | 15 | 30.61 | 16 | 32.65 | 3 | 6.12 | 49 |
| 3 | Tiểu đoàn 5 | 237 | 20 | 8.44 | 140 | 59.07 | 74 | 31.22 | 3 | 1.27 | 237 |
| 4 | Tiểu đoàn 9 | 222 | 35 | 15.77 | 100 | 45.05 | 84 | 37.84 | 3 | 1.35 | 222 |
| Tổng số | | 586 | 88 | 15.02 | 285 | 48.63 | 203 | 34.64 | 10 | 1.71 | Khá |

biệt, ở nhóm phương tiện chuyên môn đặc thù, các phương tiện như các trò chơi vận động, các bài tập bổ trợ, bài tập dẫn dắt, bài tập thể lực... được sử dụng thường xuyên nhưng mức độ đáp ứng chỉ đạt từ 42.86% tới 64.29%, cần có các giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng các phương tiện chung và phương tiện chuyên môn đặc thù sử dụng trong huấn luyện nội dung vượt vật cản cho đối tượng nghiên cứu.

3. Thực trạng kết quả huấn luyện nội dung vượt vật cản của học viên năm thứ 2, Trường SQLQ1

Tiến hành đánh giá thực trạng kết quả học tập môn Vượt vật cản cho học viên năm thứ 2, Trường Sĩ quan Lục quân 1 thông qua thành tích kiểm tra kết quả học tập của 586 học viên năm thứ 2 (khóa 89), thời điểm 2023. Kết quả được trình bày tại bảng 6.

Qua bảng 6 cho thấy: Kết quả học tập nội dung Vượt vật cản của học viên năm thứ 2, Trường SQLQ1 phần lớn mới ở mức khá và mức đạt. Tỷ lệ học viên đạt loại giỏi chỉ chiếm 15.02% tổng số học viên toàn khóa, trong khi còn tới gần 2% số học viên chưa đạt yêu cầu. Xếp loại chung của các tiểu đoàn cũng chỉ dừng lại ở mức độ khá. Điều này đặt ra đòi hỏi cần tác động các giải pháp phù hợp, có hiệu quả để nâng cao kết quả nội dung học tập này tại Trường.

KẾT LUẬN

- Các yếu tố bảo đảm cho công tác huấn luyện như chương trình môn học, đội ngũ giảng viên đáp ứng tốt nhu cầu, cơ sở vật chất còn có

hạn chế nhất định

- Việc sử dụng các phương pháp giảng dạy trong huấn luyện nội dung Vượt vật cản cho học viên năm thứ 2, Trường SQLQ1 phần lớn mới sử dụng các phương pháp giảng dạy truyền thống. Các phương pháp tập luyện vòng tròn, phương pháp trò chơi là các phương pháp sử dụng rất hiệu quả trong quá trình huấn luyện và tạo hứng thú cao cho học viên lại chưa được sử dụng nhiều. Các phương tiện huấn luyện chưa đa dạng, phong phú, đặc biệt là các phương tiện huấn luyện chuyên môn.

- Kết quả huấn luyện nội dung vượt vật cản của học viên mới chỉ dừng lại ở ở mức khá và mức đạt. Tỷ lệ học viên đạt loại giỏi chỉ chiếm 15% tổng số học viên toàn khóa, trong khi còn tới gần 2% số học viên chưa đạt yêu cầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Quốc phòng - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2009), *Thông tư liên tịch số 32/2009/TTLT-BQP-BVHTTDL ngày 22/6/2009 về việc ban hành tiêu chuẩn rèn luyện thể lực trong quân đội*, Hà Nội.

2. Bộ Tổng tham mưu - Cơ quan Bộ Quốc phòng (1998), *Tổ chức và phương pháp huấn luyện thể lực*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

3. Bộ Tổng tham mưu - Cơ quan Bộ Quốc phòng (1998), *Huấn luyện Thể dục sáng, thể thao chiều*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

4. Trường Sĩ quan Lục quân 1 (2000), *Chương trình đào tạo sĩ quan chỉ huy cấp phân đội bậc đại học*, Hà Tây.

(Bài nộp ngày 18/9/2024, Phản biện ngày 20/10/2024, duyệt in ngày 15/11/2024)

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

4. Trương Quốc Uyên

Sinh thời Bác Hồ đến động viên các đại hội thể thao của nước ta

7. Trương Anh Tuấn

Cần tập trung nâng cao năng lực hoạt động của các tổ chức xã hội và xã hội nghề nghiệp về thể dục thể thao

BÀI BÁO KHOA HỌC

9. Ngô Ích Linh

Thực trạng công tác huấn luyện chạy 3000m vũ trang vượt chướng ngại vật của học viên năm thứ 2, Trường Sĩ quan lục quân 1

17. Nguyễn Tiên Phong

Lựa chọn bài tập phát triển sức mạnh tốc độ cho nam sinh viên Câu lạc bộ Cầu lông Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh – Đại học Thái Nguyên

21. Nguyễn Công Hào

Đánh giá thực trạng công tác huấn luyện nội dung vượt vật cản của học viên năm thứ 2, Trường Sĩ quan lục quân 1

28. Trần Quân

Lựa chọn bài tập phát triển sức mạnh tốc độ đòn tay cho nam vận động viên Muay lữa tuổi 14-15 Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao Công an nhân dân

33. Mai Thị Phương Liên; Nguyễn Lê Việt Phong

Đặc điểm hình thái, chức năng và thể lực chuyên môn của vận động viên Karate nam lữa tuổi 13-14, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

38. Trần Anh Dũng

Nghiên cứu tiềm năng thực hiện chủ trương xã hội hóa thể dục thể thao trong các Trường Trung học phổ thông Thành phố Tuyên Quang

48. Vũ Thị Hiền; Bùi Thị Thoa

Diễn biến hình thái, chức năng tâm sinh lý và thể lực chuyên môn của nam vận động viên Karate lữa tuổi 13-14, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội sau 01 năm tập luyện

54. Lý Tú Linh; Nguyễn Lê Việt Phong

Nghiên cứu giải pháp phát triển phong trào tập luyện Cầu lông ngoại khóa của học sinh Trường Trung học phổ thông Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội

59. Ngô Hữu Hà

Lựa chọn giải pháp nâng cao hiệu quả dạy và học môn Giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Điện lực

64. Vũ Đức Lai; Lê Việt Hà

Lựa chọn bài tập phát triển thể lực chung cho nam sinh viên năm thứ nhất Khoa Công nghệ thông tin Trường Đại học FPT Hà Nội

TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT

68. Nhật Minh

Khung trình độ Quốc gia Việt Nam đối với các trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ

THEORY AND PRACTICE OF SPORTS

4. Truong Quoc Uyen

During his life, Uncle Ho came to encourage our country's sports festivals

7. Truong Anh Tuan

Focus on improving the operational capacity of social organizations and vocational societies on physical training and sports

ARTICLES

9. Ngo Ich Linh

Current status of 3000m armed obstacle course training for second year students, Army Officer School 1

17. Nguyen Tien Phong

Choosing speed strength development exercises for male students of the Badminton Club of the University of Economics and Business Administration - Thai Nguyen University

21. Nguyen Cong Hao

Evaluation of the current status of obstacle course training for second-year students, Army Officer School 1

28. Tran Quan

Choosing exercises to develop arm strength and speed for male Muay athletes aged 14-15 People's Police Sports Training and Competition Center

33. Mai Thi Phuong Lien; Nguyen Le Viet Phong

Morphological, functional and physical characteristics of male Karate athletes aged 13-14, Long Bien District, Hanoi City

38. Tran Anh Dung

Research on the potential of implementing the policy of socializing physical education and sports in high schools in Tuyen Quang city

48. Vu Thi Hien; Bui Thi Thoa

Morphological changes, psychophysiological functions and professional physical strength of male Karate athletes aged 13-14, Long Bien District, Hanoi City after 01 year of training

54. Ly Tu Linh; Nguyen Le Viet Phong

NResearch on solutions to develop the extracurricular badminton training movement of students at Thach Ban High School, Long Bien, Hanoi

59. Ngo Huu Ha

Choosing solutions to improve the effectiveness of teaching and learning Physical Education for students at the University of Electricity

64. Vu Duc Lai; Le Viet Ha

Choosing general physical development exercises for first - year male students of Information Technology at FPT University Hanoi

NEWS - EVENTS AND PEOPLE

68. Nhat Minh

Vietnam National Qualifications Framework for Master and Doctor degrees



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

SỐ 4 - 2024
(4)

